TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2020/DS-ST
Ngày: 13-4-2020
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Trang.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Nông;

2. Ông Nguyễn Chí Tâm.

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Bương.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Lê Thanh Tùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 548/2019/TLST-DS ngày 06 tháng 12 năm 2019 về việc "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2020/QĐXXST-DS ngày 05/3/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 20/2020/QĐST-DS ngày 23/3/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Phạm Hồng T1, sinh năm 1979 và bà Trần Thị Gián T2, sinh năm 1976; cùng thường trú: Số 124/13, khu phố A, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Bích H1, sinh năm 1998; địa chỉ: Trung tâm hành chính D, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương, là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/12/2019).

2. Bị đơn: Ông Lê Quốc P, sinh năm 1978 và bà Võ Thị H2, sinh năm 1982; cùng địa chỉ: Số 25/5 khu phố E, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Hồ Thị D, sinh năm 1952; địa chỉ: Số 36/10, đường N, khu phố E, phường D, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

(Bà Nguyễn Thị Bích H1 và bà Hồ Thị D có yêu cầu giải quyết vắng mặt, ông Lê Quốc P và bà Võ Thị H2 vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 10/9/2019 và lời khai trong quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Hồng T1, bà Trần Thị Gián T2 là bà Nguyễn Thị Bích H1 trình bày:

Ông Phạm Hồng T1, bà Trần Thị Gián T2 có quen biết với vợ chồng bà Võ Thị H2, ông Lê Quốc P. Vì ông P, bà H2 cần vốn làm ăn và khó khăn tài chính nên đã vay của ông T1, bà T2 tổng số tiền 360.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Đợt 1: Ông P, bà H2 vay 20.000.000 đồng vào ngày 27/10/2015, có lập giấy mượn nợ.

- Đợt 2: Ông P, bà H2 vay 20.000.000 đồng vào ngày 27/11/2015, có lập giấy mượn nợ.

- Đợt 3: Ông P, bà H2 vay 20.000.000 đồng vào ngày 11/8/2016, có lập giấy mượn nợ.

- Đợt 4: Ông P, bà H2 vay 200.000.000 đồng vào ngày 26/01/2018, có lập giấy mượn nợ.

- Đợt 5: Ông P, bà H2 vay 100.000.000 đồng vào ngày 05/7/2018, có lập giấy mượn nợ, ông P, bà H2 cam kết trong 02 tháng trả lại số tiền trên.

Đối với khoản vay 1, 2, 3 và 4 thì ông T1, bà T2 có yêu cầu khi nào cần thu hồi sẽ báo trước khoảng 7 ngày.

Từ thời điểm vay đến nay, ông P, bà H2 chỉ thanh toán được 30.000.000 đồng.

Ngày 05/11/2018, ông T1, bà T2 có đến nhà ông P, bà H2 để yêu cầu thanh toán số tiền còn nợ. Tuy nhiên, chỉ gặp được bà Hồ Thị D (mẹ ruột của bà H2), bà D có viết giấy cam kết như sau: Từ ngày 15/12/2018 đến ngày 30/12/2018, bà D trả cho ông T1, bà T2 số tiền 100.000.000 đồng mà Võ Thị H2 thiếu. Số nợ còn lại thì bà D sẽ góp mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, trường hợp bà D bán được nhà sẽ trả nợ một lần số tiền còn lại.

Ông T1, bà T2 nhiều lần đến nhà để nhắc nhở việc thanh toán nhưng ông P, bà H2 cố tình trốn tránh, không thanh toán.

Từ ngày 05/11/2018 đến nay, ông P, bà Hồng không thanh toán được bất kì khoản tiền nào cho ông T1, bà T2.

Do đó, ông T1 và bà T2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Lê Quốc P, bà Võ Thị H2 thanh toán cho ông Phạm Hồng T1, bà Trần Thị Gián T2 số tiền 330.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Trường hợp ông P, bà H2 không trả được nợ thì yêu cầu bà Hồ Thị D có trách nhiệm trả nợ thay ông P, bà H2 số tiền 330.000.000 đồng nói trên theo như cam kết ngày 05/11/2018.

* Ngày 09/4/2020, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Nguyên đơn chỉ yêu cầu bà Võ Thị H2, ông Lê Quốc P trả lại cho nguyên đơn số tiền 330.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi. Nguyên đơn không yêu cầu bà Hồ Thị D phải trả nợ thay ông P, bà H2 số tiền trên.

- *Đối với bị đơn ông Lê Quốc P và bà Võ Thị H2:* Quá trình tố tụng, bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án và các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp. Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn để làm việc, cung cấp bản tự khai; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; tham gia phiên tòa nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Đồng thời, bị đơn cũng không có ý kiến, yêu cầu gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- *Tại bản tự khai ngày 08/01/2020, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị D trình bày:*

Bà Hồ Thị D là mẹ của bà Võ Thị H2. Khoảng tháng 11/2018, bà Trần Thị Gián T2 và ông Phạm Hồng T1 có đến nhà đòi nợ bà H2, ông P số tiền 330.000.000 đồng. Khi đó, bà H2, ông P không có ở nhà. Bà T2 có lời nói đe dọa, bà D sợ nguy hiểm cho con nên bà D đã viết giấy hứa trả nợ như sau: Bà D hứa từ ngày 15 đến ngày 30 tháng 12 sẽ trả cho bà T2 số tiền 100.000.000 đồng mà Võ Thị H2 còn thiếu; còn bao nhiêu thì bà D góp mỗi tháng khoảng 15.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng, khi nào bán được nhà thì bà D sẽ trả một lần.

Hiện nay do bà D đã già, sức khỏe yếu, không còn khả năng lao động nên bà D không có khả năng trả nợ theo như cam kết như trên.

- *Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An trình bày quan điểm về việc tuân theo pháp luật, quan điểm giải quyết vụ án*: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng theo quy định pháp luật. Về quan điểm giải quyết vụ án: Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Bích H1 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị D có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt; bị đơn ông Lê Quốc P và bà Võ Thị H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

Quá trình tố tụng, bị đơn ông Lê Quốc P và bà Võ Thị H2 đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo yêu cầu cung cấp chứng cứ, giấy triệu tập để tham gia tố tụng nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến gì với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có văn bản nào thể hiện ý kiến của bị đơn về việc không thừa nhận chữ ký của mình trong các giấy mượn tiền mà nguyên đơn cung cấp.

Do đó, Tòa án căn cứ vào các chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, xác định: Bị đơn là bà Võ Thị H2 và ông Lê Quốc P có vay của nguyên đơn ông Phạm Hồng T1 và bà Trần Thị Gián T2 số tiền 360.000.000 đồng, các bên không thỏa thuận lãi suất, cụ thể như sau:

- Đợt 1: Ông P, bà H2 vay 20.000.000 đồng vào ngày 27/10/2015.

- Đợt 2: Ông P, bà H2 vay 20.000.000 đồng vào ngày 27/11/2015.

- Đợt 3: Ông P, bà H2 vay 20.000.000 đồng vào ngày 11/8/2016.

-Đợt 4: Ông P, bà H2 vay 200.000.000 đồng vào ngày 26/01/2018.

- Đợt 5: Ông P, bà H2 vay 100.000.000 đồng vào ngày 05/7/2018, ông P, bà H2 cam kết trong 02 tháng trả lại số tiền trên.

Đối với các khoản vay 1, 2, 3 và 4, các bên không xác định thời hạn vay.

Quá trình trả nợ, bị đơn chỉ thanh toán được 30.000.000 đồng. Từ ngày 05/11/2018, nguyên đơn nhiều lần đến nhà yêu cầu bị đơn trả lại số tiền còn thiếu nhưng bị đơn trốn tránh, không thanh toán.

Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả lại tổng số tiền 330.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Về tiền lãi: Nguyên đơn không yêu cầu tính lãi nên Tòa án không đặt ra xem xét.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn buộc người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Hồ Thị D có trách nhiệm trả nợ thay trong trường hợp bị đơn không thanh toán được khoản nợ nói trên: Ngày 09/4/2020, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin thay đổi yêu cầu khởi kiện, nguyên đơn chỉ yêu cầu bị đơn trả lại số tiền 330.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi; nguyên đơn rút lại yêu cầu buộc bà Hồ Thị D trả nợ thay trong trường hợp bị đơn không thanh toán được số tiền nói trên. Việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Dĩ An về việc giải quyết vụ án là phù hợp nên được chấp nhận.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Lê Quốc P và bà Võ Thị H2 phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hồng T1, bà Trần Thị Gián T2 đối với bị đơn ông Lê Quốc P, bà Võ Thị H2 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Buộc ông Lê Quốc P và bà Võ Thị H2 có trách nhiệm liên đới phải trả cho ông Phạm Hồng T1, bà Trần Thị Gián T2 số tiền 330.000.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

2. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phạm Hồng T1, bà Trần Thị Gián T2 về việc buộc bà Hồ Thị D trả nợ thay số tiền 330.000.000 đồng trong trường hợp bị đơn ông Lê Quốc P, bà Võ Thị H2 không thực hiện được nghĩa vụ trả nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Lê Quốc P và bà Võ Thị H2 liên đới chịu 16.500.000 đồng.

Ông Phạm Hồng T1 và bà Trần Thị Gián T2 không phải chịu. Trả lại cho ông Phạm Hồng T1 và bà Trần Thị Gián T2 số tiền 8.250.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0029732 ngày 05/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã (nay là thành phố) Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

4. Đương sự được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TP. Dĩ An;
- Chi cục THADS TP. Dĩ An;
- TAND tỉnh Bình Dương;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN -CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Minh Trang